

**ĐIỂM THI GIỮA HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025 - PHẦN TRẮC NGHIỆM  
KHỐI 12**

STT	SBD	Họ và tên	Lớp	TOÁN		ANH		SỬ		LÝ		HÓA		SINH		ĐỊA		KTPL	
				Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm
1	001594	Nguyễn Bảo An	12A1	444	2.55	123	3.33	124	4.75	621	5	212	4.35						
2	001465	Nguyễn Hồng An	12A1	111	5.4	121	5.43	134	6.75	421	6.5	214	5.75						
3	001774	Lê Công Bắc	12A1	222	4.15	512	2.28	132	6.75	121	4.75	122	4.5						
4	001638	Nguyễn Mạnh Cường	12A1	111	3.7	123	3.68	131	5.75	121	4.75	212	4.5						
5	001666	Trần Quang Duy	12A1	111	3.95	612	4.2	132	5.5	321	5	124	4.75						
6	001490	Vòng Bảo Duy	12A1	444	4.6	124	4.73	131	3.75	321	5.5	214	4.75						
7	001803	ĐỖ XUÂN ĐỨC	12A1	444	4.6	412	2.98	134	6	221	5.25	122	4.6						
8	001695	Vũ Quang Hào	12A1	444	4.8	412	4.38	133	6.25	421	6	124	5.5						
9	001859	Võ Đức Hòa	12A1	111	4.6	512	4.38	134	6.25	121	6	124	5						
10	001805	Dương Nguyễn Nhật Huy	12A1	111	5.4	412	4.55	134	6.25	221	5.75	122	5.75						
11	001491	Nguyễn Thế Hưng	12A1	444	5.1	121	4.38	131	5.75	121	6.25	211	6.25						
12	001724	Nguyễn Thị Thu Hương	12A1	111	3.25	612	3.5	131	4.75	321	5.5	122	4.6						
13	001861	Nguyễn Hoàng Gia Khang	12A1	444	4.1	612	4.03	133	6	321	5.25	124	4.85						
14	001889	Trần Văn Long Khanh	12A1	222	3.1	312	4.38	131	6.25	421	5	123	4						
15	001570	Hồ Tuấn Khoa	12A1	444	4	122	4.2	122	4	721	5.75	211	5.5						
16	001541	Lê Minh Khôi	12A1	333	4	121	3.15	133	3.75	521	5	124	4.5						
17	001944	Hồ Thạch Bảo Khương	12A1	111	3.7	612	3.68	131	5	321	5	121	4.35						
18	001891	Hà Ngọc Linh	12A1	333	3.65	412	4.38	132	5.25	321	5.75	123	4						
19	001920	Võ Hoàng Long	12A1	111	2.3	412	3.5	134	6	121	4.25	121	3.5						
20	001893	Ngô Đức Mạnh	12A1	111	3.05	612	4.03	133	6	421	6	121	5.25						
21	001921	Bùi Phương Minh	12A1	333	3.6	512	4.55	132	5.75	421	5.25	122	3.75						
22	001948	Trương Diễm My	12A1	444	4.35	412	3.68	132	6.5	221	5.75	121	4.5						
23	001867	Nguyễn Hoàng Nghĩa	12A1	333	5.1	312	4.38	V	V			124	4.2						
24	001492	Nguyễn Huỳnh Kim Ngọc	12A1	333	4.4	121	4.03	131	6.25	321	6	213	5.5						
25	001443	Nguyễn Bá Hà Nguyên	12A1	333	6.3	123	5.78	132	6.25	321	6.5	214	6.75						

STT	SBD	Họ và tên	Lớp	TOÁN		ANH		SỬ		LÝ		HÓA		SINH		ĐỊA		KTPL	
				Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm
26	001842	Lê Hồ Yến Như	12A1	333	2.45	612	3.33	134	5.75	421	5.5	121	4.35						
27	001542	Nguyễn Hoàng Gia Phú	12A1	444	6	122	3.68	134	5.5	121	5	211	4.75						
28	001680	Dương Văn Phúc	12A1	444	3.2	512	4.55	131	6.5	121	6	121	5.5						
29	001468	Lê Thị Thanh Phương	12A1	222	3.9	122	3.5	132	6.5	421	5.5	212	5.25						
30	001953	Vương Nguyễn Viễn Phương	12A1	444	3.7	512	3.15	131	5.5	421	3.75	121	5.25						
31	001641	Đình Văn Tài	12A1	222	2.4	122	3.5	131	3.75	521	3.25	122	2.85						
32	001493	Phạm Trí Tân	12A1	333	4.1	124	3.5	133	5.5	421	5	214	5						
33	001846	Bùi Minh Thanh	12A1	333	4.5	612	4.9	132	6	321	5.75	121	4.6						
34	001792	Phùng Hoàng Thiên	12A1	222	5.1	312	4.55	131	5.5	321	6.25	124	5						
35	001543	Trần Tiến Thông	12A1	222	5.1	122	3.5	131	5.25	121	5.5	214	6						
36	001958	Nguyễn Đức Tiến	12A1	444	2	412	3.85	132	6.75	221	4.25	121	3.85						
37	001498	Đông Thị Thảo Trúc	12A1	444	5.1	121	4.38	122	4.75	821	5	211	4.6						
38	001878	Mai Hoàng Thanh Trúc	12A1	333	3.3	512	5.08	131	5.25	221	5.75	124	4.1						
39	001548	Dương Đào Cẩm Tuyền	12A1	111	3.5	121	4.03	124	5	521	6.25	213	5.25						
40	001474	Nguyễn Huỳnh Bảo Uyên	12A1	333	3.9	124	2.98	123	4.5	521	5.75	213	4						
41	001642	Trần Nguyễn Thảo Uyên	12A1	111	3.2	123	3.15	134	3.25	321	4.25	211	5.25						
42	001568	Nguyễn Hữu Khánh Vân	12A1	111	4.6	121	3.5	131	6.5	221	5.75	214	5.5						
43	001494	Hoàng Thị Nhã Vy	12A1	444	5.4	122	3.85	133	6.25	421	6	213	6.5						
44	001853	Lại Phương Vy	12A1	222	4.15	412	3.5	131	6.5	421	5.25	122	5.1						
45	001445	Lê Vy	12A1	111	3.85	124	2.98	134	5.5	321	5.25	212	5.25						
1	001691	Đào Nhật Anh	12A10	444	3	412	2.45	124	3.75					501	5.25	303	5	131	4.75
2	001936	Lê Hoàng Quỳnh Anh	12A10	222	4.2	512	2.98	124	5					502	5.85	301	5.75	134	3.75
3	001664	Nguyễn Ngọc Phương Anh	12A10	222	2.3	612	3.5	123	3.25					504	5.1	303	5	131	5
4	001720	Lê Trần Bảo Duyên	12A10	111	3.5	612	3.68	133	6.5					701	6.25	402	4.75	122	5.5
5	001446	Hoàng Tiến Đạt	12A10	333	5.1	124	3.68	132	5.75					503	5.75	403	5	121	4.75
6	001857	Nguyễn Tiến Đạt	12A10	444	3.3	612	2.98	122	3.75					504	4.75	302	3.75	133	5.1
7	001653	Nguyễn Hải Đăng	12A10	444	4.05	124	5.25	131	6.5					503	6.25	302	6	131	4.75
8	001579	Lê Hoàng Ngọc Giàu	12A10	444	4.6	122	3.85	133	5.75					502	6.25	304	6	131	4.6
9	001749	Nguyễn Thị Thu Hà	12A10	333	3.4	312	3.15	133	6.75					504	5.75	303	5.75	123	4.75
10	001804	Nguyễn Thị Ngọc Hân	12A10	444	4.6	612	4.03	124	5					502	6	302	6.5	133	6.1
11	001750	Phan Nguyễn Chí Hiếu	12A10	222	3.45	512	2.98	123	3.5					501	6.25	302	6	131	6.25

STT	SBD	Họ và tên	Lớp	TOÁN		ANH		SỬ		LÝ		HÓA		SINH		ĐỊA		KTPL	
				Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm
12	001887	Đỗ Sĩ Hùng	12A10	111	3.6	612	2.45	134	4.25					503	5	303	4	124	5.5
13	001649	Trần Quốc Huy	12A10	222	5.1	124	3.85	133	6					704	5.75	404	5.75	131	7
14	001862	Nguyễn Tiến Nguyên Khôi	12A10	111	4.2	512	3.5	123	5.25					503	5.25	302	6.5	133	5.5
15	001781	Trương Huệ Lâm	12A10	111	3.3	312	2.98	124	4.5					502	5.35	301	5.5	131	6.25
16	001674	Phạm Nguyễn Phi Long	12A10	444	4.9	512	1.93	123	4.75					504	3.25	301	5	131	5.25
17	001654	Kiều Gia Lộc	12A10	333	5.2	123	4.03	131	5.5					502	4.75	301	5.25	133	5.1
18	001838	Bùi Thị Phương Mai	12A10	111	4.3	312	3.5	122	4					503	6.75	303	6.25	134	6.25
19	001947	Lương Khải Mạnh	12A10	222	3.05	512	3.33	134	3.25					504	4.6	302	5.25	122	6
20	001506	Nguyễn Văn Mạnh	12A10	222	4.9	124	2.98	131	6.5					502	6.25	301	7	132	6.25
21	001729	Dương Hà Mi	12A10	111	4.8	312	4.03	121	5.25					501	5.25	304	6	133	5.25
22	001703	Hoàng Văn Minh	12A10	222	3.2	512	2.28	122	4.25					502	4.25	304	5.25	132	6
23	001949	Nguyễn Bảo Ngọc	12A10	444	3.7	512	4.03	123	4.5					502	4.5	303	6.25	133	6
24	001895	Phan Bảo Ngọc	12A10	444	3.45	612	3.33	121	3					504	4.75	304	4.75	132	5.1
25	001760	Nguyễn Thị Yến Nhi	12A10	111	4.4	412	4.03	132	6					501	5.75	303	6	121	6
26	001869	Hứa Phạm Hồng Nhung	12A10	222	3.95	412	4.03	121	4.5					502	6.25	301	6.5	131	6.75
27	001980	Nguyễn Chánh Phúc	12A10	333	3.3	612	3.5	121	5					501	6	303	6	134	4.25
28	001631	Đình Nam Phương	12A10	111	3.15	123	3.33	134	4					501	5.75	304	5.5	132	5.5
29	001844	Lê Vũ Thu Phương	12A10	222	4.4	312	4.03	124	3.75					503	6.5	301	5.25	134	4.85
30	001483	Phạm Hoàng Sang	12A10	222	3.45	124	4.55	131	5.75					503	7	301	7	131	6.25
31	001819	Bùi Thị Thảo	12A10	222	4.4	612	3.33	133	3.5					704	6	402	4.25	121	4.25
32	001683	Nguyễn Tổng Phương Thảo	12A10	444	4.9	512	4.2	121	4.75					501	5.35	301	5.5	132	4.75
33	001738	Nguyễn Thanh Thúy	12A10	222	3.05	512	2.63	131	5.25					702	5	404	4.5	122	4
34	001685	Nguyễn Ngọc Bảo Thy	12A10	333	4.1	312	4.03	121	3.75					503	6.25	304	5	134	6
35	001473	Nguyễn Thị Thủy Tiên	12A10	111	4.3	123	3.33	124	7					503	5.6	404	5	134	5.5
36	001905	Hồ Thị Ngọc Trâm	12A10	111	3.1	312	3.33	132	5.75					702	2.85	301	4.85	134	4.75
37	001823	Nguyễn Thị Bảo Trâm	12A10	111	5.1	512	3.33	124	3.75					501	5.6	302	5.5	132	6.5
38	001715	Phan Nguyễn Thanh Tuyền	12A10	222	4.2	612	3.15	123	6					503	6.25	302	6.25	133	5.85
39	001798	Huỳnh Thái Vũ	12A10	444	3.3	312	2.98	133	6.25					501	5.5	302	6.5	122	5.75
40	001690	Nguyễn Ngọc Như Ý	12A10	111	5.6	312	4.2	124	5.75					502	6.25	303	5.25	133	6.5
1	001470	Đỗ Trọng Minh An	12A11	333	4.3	121	2.98	134	5					502	5.25	402	4.75	121	6
2	001827	Hoàng Nguyễn Quỳnh Anh	12A11	444	3.5	412	2.98	131	4					504	5.35	304	5.5	123	5.5

STT	SBD	Họ và tên	Lớp	TOÁN		ANH		SỬ		LÝ		HÓA		SINH		ĐỊA		KTPL	
				Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm
3	001882	Nguyễn Đỗ Phương Anh	12A11	444	3.4	312	4.03	122	5.25					503	4.75	302	4.75	131	5.75
4	001964	Nguyễn Quỳnh Trâm Anh	12A11	333	4.1	612	4.2	122	4.25					504	6.25	302	5.25	133	4.35
5	001746	Phạm Ngọc Vân Anh	12A11	333	2.9	512	4.55	133	6.25					704	5.1	304	7	132	4.6
6	001525	Phan Ngọc Quỳnh Anh	12A11	111	4.8	124	4.2	133	6.25					703	5	401	4.75	132	5.75
7	001802	Phan Tuấn Dũng	12A11	222	2	612	2.8	133	2.75					503	3.5	302	4.25	122	5
8	001748	Nguyễn Thị Hồng Đào	12A11	444	5	612	3.85	121	5.5					503	6.75	301	6.5	134	6
9	001913	Lâm Minh Hà	12A11	222	3.2	512	1.05	121	5					501	3.85	304	4.75	133	4.1
10	001776	Võ Ngọc Hoàn Hào	12A11	444	4.1	312	3.15	134	5.75					504	5	304	6.25	122	5.5
11	001915	Lê Nguyễn Quang Huy	12A11	111	2.35	512	3.33	131	5.75					501	4.5	301	5.25	124	4.25
12	001670	Nguyễn Thị Thanh Hương	12A11	111	4	312	3.33	123	5.25					501	4.5	301	5.5	131	5
13	001916	Đặng Hoài Khang	12A11	111	3.4	612	4.03	133	6.5					501	5.1	301	5.5	124	5.5
14	001555	Huỳnh Duy Khang	12A11	444	4.6	124	3.15	132	6					504	5.1	303	6.5	134	5.35
15	001699	Đặng Minh Khôi	12A11	444	3.5	512	1.05	134	4.25					503	4.35	303	4.75	121	5.25
16	001754	Nguyễn Võ Sông Lan	12A11	222	5.1	312	3.68	123	4.75					501	6.5	303	5.75	131	6.75
17	001700	Trần Thị Kim Lan	12A11	333	3.9	412	3.5	123	5					501	5.25	303	6.25	131	5.75
18	001605	Đoàn Thanh Lộc	12A11	444	4.2	121	3.33	134	6					501	3.35	304	6.25	132	5.5
19	001783	Huỳnh Ngọc Thảo Ly	12A11	444	1.2	412	1.23	132	3.75					502	4.5	303	5.5	123	4.25
20	001975	Võ Thị A Mí	12A11	111	3.7	612	4.38	123	5.5					501	4.85	304	5.75	134	6
21	001784	Nguyễn Hoàng Minh	12A11	222	4.4	512	3.85	131	6.5					502	6.25	301	7	124	6
22	001785	Đặng Trí Nghĩa	12A11	333	2	312	1.23	134	3.25					503	2	304	2.6	123	5.25
23	001677	Trần Thị Bảo Ngọc	12A11	333	3.15	512	3.68	134	5.25					703	4.75	303	6	134	4.5
24	001868	Lê Nguyễn Trọng Nhất	12A11	222	3.5	612	2.45	134	4.75					502	3.25	302	3.75	124	5
25	001606	Lê Ngọc Bảo Như	12A11	333	3.9	121	4.03	132	6.5					502	5.75	304	6.5	133	5.35
26	001951	Lương Ngọc Bảo Như	12A11	222	3.5	412	3.85	133	5.75					703	4.85	401	4.25	124	5.25
27	001979	Cao Võ Thục Oanh	12A11	111	3.5	412	1.75	122	5					502	5	301	5.25	133	4.5
28	001581	Tạ Nguyễn Ái Phi	12A11	111	5.3	123	4.03	132	6.75					501	7	304	7	132	5.75
29	001571	Dư Quang Gia Phú	12A11	222	3.3	124	3.15	121	5.75					504	3.85	401	5	131	5.25
30	001872	Nguyễn Ngọc Như Quỳnh	12A11	222	2.4	412	3.33	131	2.5					504	3.1	302	5.25	121	5
31	001845	Vũ Đỗ Như Quỳnh	12A11	333	4.6	412	3.85	122	5.75					504	5.75	302	6.5	134	5
32	001929	Trần Ngọc Mai Thi	12A11	333	3.45	312	2.8	121	4					501	3.75	304	3.6	134	4
33	001710	Vũ Mạnh Thiêm	12A11	444	2.95	312	2.63	122	4.75					504	3.25	304	4.75	133	3.85

STT	SBD	Họ và tên	Lớp	TOÁN		ANH		SỬ		LÝ		HÓA		SINH		ĐỊA		KTPL	
				Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm
34	001582	Đỗ Nguyễn Anh Thư	12A11	222	5.8	122	3.68	134	6.25					501	6	301	7	133	5.75
35	001766	Nguyễn Đỗ Anh Thư	12A11	333	3.9	512	3.68	121	5					501	6.25	304	6.25	133	5.6
36	001876	Trần Thị Cẩm Tiên	12A11	222	2.3	412	3.5	121	3.5					503	6.75	301	6	131	5.1
37	001632	Lê Đăng Tiến	12A11	222	4.4	122	2.98	131	6.25					502	6	301	6.5	133	5.85
38	001686	Trần Hoàng Tiến	12A11	333	3.75	312	4.03	133	4.75					703	5.5	301	6.5	134	3.75
39	001795	Lê Thị Thu Trang	12A11	222	1.75	612	2.28	121	5					501	3	301	4.25	132	5.5
40	001534	Nguyễn Ngọc Thảo Uyên	12A11	333	4.6	124	4.2	131	6.5					503	7	303	7	132	6.5
41	001657	Nguyễn Hoài Vũ	12A11	444	4.1	122	3.5	132	6.5					502	5.25	304	6.25	132	6
42	001509	Nguyễn Ngọc Thảo Vy	12A11	111	4.6	124	3.68	134	5.25					503	6.25	301	6.25	132	5.75
43	001962	Nguyễn Thanh Nhật Vy	12A11	333	2.95	512	3.15	131	6.25					502	4.75	302	5.5	124	4.5
1	001800	Nguyễn Đức Anh	12A12	444	2.15	512	3.68	134	2.25					503	3.25	303	4.25	123	3.85
2	001773	Trần Ngọc Tú Anh	12A12	111	4.8	512	3.33	132	6.5					502	6.25	304	7	121	5.25
3	001530	Lê Nguyễn Hồng Châu	12A12	222	4.35	122	4.03	133	6.5					503	5	304	6.75	131	6
4	001884	Nguyễn Đoàn Phương Dung	12A12	111	4.5	412	4.2	133	3.25					503	4.75	303	5.75	121	5.5
5	001830	Vũ Tiến Đạt	12A12	111	3.65	412	4.03	124	6.25					503	5	404	4.5	123	6
6	001886	Nguyễn Quỳnh Hân	12A12	444	2.35	512	3.33	122	3.75					504	3.25	302	4.25	132	5.5
7	001778	Nguyễn Khánh Huy	12A12	111	4	412	4.38	133	5.25					504	6.25	303	7	122	5.75
8	001698	Lê Vĩ Khang	12A12	222	2.95	312	5.25	131	6.75					504	6.5	304	7	123	6.75
9	001644	Ngô Nguyễn Khang	12A12	444	3.7	121	3.68	131	2.25					501	4.25	404	4.5	124	5.25
10	001809	Lê Nguyễn Phương Linh	12A12	333	3.4	512	4.55	121	5					504	6.25	302	7	134	6.25
11	001620	Nguyễn Ngọc Thùy Linh	12A12	444	4.7	122	4.55	123	5					501	6.5	404	5.75	131	5.5
12	001892	Phạm Hoàng Long	12A12	333	3.5	412	3.85	132	4.25					502	4	303	6	123	6.25
13	001728	Trần Thành Long	12A12	333	3.2	512	1.93	131	5.5					504	4.75	303	3.25	122	4.85
14	001894	Aiayua Phương Nam	12A12	444	1.9	512	3.33	131	5					502	3	302	5.25	122	5.5
15	001881	Ung Thị Thùy Ngân	12A12	222	3.35	312	3.33	124	5.25					501	5.75	303	6.5	132	5.25
16	001840	Cao Nguyễn Yến Ngọc	12A12	444	3.55	512	3.33	131	5.75					502	4.25	303	6.75	122	4.75
17	001630	Nguyễn Phúc Phương Ngọc	12A12	111	2.5	121	3.85	134	5.75					503	5.1	301	4.5	133	5
18	001731	Nguyễn Đình Khôi Nguyên	12A12	333	3.1	312	2.98	133	4					504	4.6	302	4	123	6.75
19	001923	Nguyễn Thị Phương Nguyên	12A12	444	4.9	612	3.85	123	5					501	6.5	301	6.75	132	7
20	001815	Phan Ngọc Quỳnh Như	12A12	444	4.35	612	4.73	132	5.75					502	6.5	304	5.75	121	5.75
21	001925	Đỗ Thị Kim Oanh	12A12	333	3.5	312	4.73	131	6.5					501	7	301	6	123	5.75

STT	SBD	Họ và tên	Lớp	TOÁN		ANH		SỬ		LÝ		HÓA		SINH		ĐỊA		KTPL	
				Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm
22	001645	Cao Trường Phát	12A12	222	3.3	122	3.5	132	5.25					501	6	403	5.5	123	5.1
23	001762	Phạm Hoàng Phúc	12A12	444	3.2	512	3.33	131	4.75					503	4.75	304	6	124	5
24	001981	Nguyễn Phú Quý	12A12	222	3.45	512	4.03	134	3.75					501	6.25	304	7	121	6
25	001708	Nguyễn Ngọc Mẫn Quỳnh	12A12	111	2.4	512	4.2	121	4.75					503	6.5	301	6.5	131	7
26	001790	Nguyễn Ngọc Như Quỳnh	12A12	333	2.5	412	4.55	134	2.5					502	6.25	301	6.5	122	6
27	001711	Nguyễn Lê Anh Thư	12A12	222	3.7	412	3.15	134	5.25					502	5.5	301	5.5	124	5.5
28	001793	Trần Thị Anh Thư	12A12	333	3.6	512	2.98	121	4.75					503	5.6	301	6.5	133	5
29	001957	Phạm Cao Hoài Thương	12A12	333	3.9	412	3.85	132	5.75					502	6.5	302	6.5	121	6.25
30	001739	Đỗ Cát Tiên	12A12	333	2.9	512	3.68	131	6					502	5.6	304	6.25	121	4.75
31	001985	Lê Thị Ngọc Tiên	12A12	444	3.6	512	4.55	134	6.75					502	6.5	304	7	122	6.25
32	001767	Nguyễn Hoa Cẩm Tiên	12A12	111	4.1	412	4.73	132	6.75					503	6.25	304	7	124	6
33	001713	Lê Thị Đoan Trang	12A12	333	2.8	612	2.45	134	2.5					504	4.25	301	6	123	4
34	001597	Hà Ngọc Bảo Trâm	12A12	444	3.3	121	3.85	131	6					502	3.1	404	4.75	121	5.5
35	001851	Nguyễn Hoàng Thanh Trúc	12A12	111	4.05	312	4.55	133	6.5					501	6	301	7	124	5
36	001961	Bùi Ngọc Tường Vân	12A12	333	2.6	612	3.85	132	4.75					701	6	401	4	122	5.75
37	001583	Lê Tường Vy	12A12	444	4.6	124	2.98	133	6.5					501	6	302	7	132	5.75
38	001908	Nguyễn Tường Vy	12A12	333	2.5	512	4.55	132	4.5					502	4.75	304	6	122	5.25
39	001744	Đặng Hoàng Hải Yến	12A12	111	3.2	412	3.33	122	4.75					504	6.5	302	6.25	132	5.75
40	001499	Đặng Ngọc Phi Yến	12A12	444	5.9	124	4.55	132	5.25					501	5.75	403	5.25	124	5
1	001520	Ngô Mỹ An	12A13	333	1.65	121	2.8	122	3.75					503	4	404	4.25	134	4.25
2	001883	Đào Huy Bảo	12A13	333	2.55	412	4.03	121	4.75					504	5.75	303	5.25	132	3.75
3	001719	Lữ Gia Bảo	12A13	111	3.9	612	3.15	121	6.25					501	4.75	302	5.75	131	6
4	001554	Nguyễn Quân Bảo	12A13	222	4.5	124	4.38	132	6.25					502	5.6	303	6	133	5.5
5	001495	Nguyễn Ngọc Thuần Duyên	12A13	444	4.5	123	3.5	131	6.75					504	5.5	403	6	122	6
6	001967	Nguyễn Đặng Trường Giang	12A13	333	3.9	412	3.85	124	3.25					503	4.75	303	5.25	134	5.5
7	001505	Nguyễn Thu Hà	12A13	111	4	123	4.38	134	5.5					502	5.85	302	7	132	5.75
8	001858	Hoàng Ngọc Hân	12A13	111	5.6	312	4.2	121	6.25					501	5.75	302	6.5	132	6.25
9	001968	Nguyễn Đỗ Trung Hiếu	12A13	444	2	612	2.8	122	5.5					501	3.5	303	4.5	134	5
10	001832	Dương Minh Hoàng	12A13	444	2.9	612	2.45	123	4.25					503	5.5	302	4.75	134	5.75
11	001669	Đào Gia Huy	12A13	111	5.3	512	4.03	124	6.25					504	5	302	5.5	134	6
12	001481	Võ Hồ Thái Khang	12A13	333	3.65	122	5.08	134	5.5					504	5.5	302	5.75	133	4.6

STT	SBD	Họ và tên	Lớp	TOÁN		ANH		SỬ		LÝ		HÓA		SINH		ĐỊA		KTPL	
				Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm
13	001808	Lâm Tuấn Kiệt	12A13	222	2.9	412	4.2	122	4.75					503	4.5	303	6	131	5.5
14	001945	Bùi Ngọc Hải Linh	12A13	111	3	612	3.68	121	5.25					502	5.5	301	6.25	132	5.5
15	001727	Nguyễn Ngọc Linh	12A13	444	3.15	312	3.33	123	5.25					503	4.5	302	4.75	134	5.25
16	001973	Nguyễn Phan Trúc Linh	12A13	444	3.9	312	3.68	122	5.5					502	5.85	301	6.25	133	4.6
17	001702	Nguyễn Phước Lộc	12A13	222	4.2	612	4.38	133	3					703	5.5	303	6.75	134	5.5
18	001811	Trần Duy Mạnh	12A13	333	3.5	512	3.5	123	5.5					504	6.5	303	6.5	134	7
19	001650	Tăng Nguyễn Trà My	12A13	333	4.6	124	3.68	134	3					704	4.25	404	2.25	131	5.25
20	001457	Lê Hoàng Nga	12A13	444	6	122	2.63	133	5					503	5.25	302	6.75	133	5.1
21	001814	Hoàng Thị Tuyết Nhi	12A13	333	3.7	412	4.55	122	5.75					504	6.1	303	7	134	7
22	001924	Nguyễn Thị Yến Nhi	12A13	444	2.65	612	3.33	121	3.75					501	3.85	301	4.5	134	6.25
23	001679	Trịnh Ngọc Quỳnh Như	12A13	444	2.9	612	4.55	124	5					504	6.1	304	5.25	132	6
24	001733	Trương Ngọc Huỳnh Như	12A13	222	3.65	412	3.5	121	5.25					503	5.1	301	6.5	132	7
25	001655	Nguyễn Tấn Phát	12A13	111	5.6	121	2.98	132	6.5					504	5.75	302	7	134	7
26	001507	Đặng Hồng Phúc	12A13	222	3.65	121	4.9	132	6					504	4.5	302	6	134	5.75
27	001707	Phạm Hồng Phúc	12A13	222	4.35	412	4.2	122	5					501	4.75	304	6.25	132	5.1
28	001789	Nguyễn Thiên Phước	12A13	222	1.4	512	3.68	122	4					501	5	301	5	132	4.35
29	001763	Đào Thị Như Quỳnh	12A13	444	4.35	412	4.55	122	5					501	4.5	304	6.5	131	5.25
30	001736	Nguyễn Chí Tài	12A13	333	3.2	312	3.68	121	4.75					502	4.25	304	5.5	133	3.75
31	001983	Ngô Trúc Thi	12A13	333	5.4	412	3.85	121	5.75					503	5	303	5.5	133	5.25
32	001621	Nguyễn Hồ Anh Thư	12A13	444	4.5	124	3.15	132	5.75					504	5.75	402	5.5	124	5.75
33	001508	Nguyễn Lê Anh Thư	12A13	111	4.1	121	2.98	132	4.25					503	6.25	302	6.5	133	5.5
34	001848	Vũ Thị Anh Thư	12A13	222	3.5	612	3.5	122	5					503	5.1	303	6.75	133	5.1
35	001547	Nguyễn Thị Mỹ Tiên	12A13	222	2.85	124	3.15	131	6					504	4	402	4.75	122	5.25
36	001484	Mai Ngọc Phương Uyên	12A13	444	3.65	124	2.98	132	4					501	6	302	5.25	132	6.25
37	001907	Nguyễn Phạm Thanh Vân	12A13	222	5.3	412	3.33	123	6.5					503	6.5	401	5.75	123	5
38	001771	Trịnh Quang Vinh	12A13	444	5.3	412	5.6	124	5.75					502	6.25	304	6	131	5.75
1	001589	Trần Thị Trâm Anh	12A2	111	7	122	4.03	133	6.75	321	6.75	213	5.25						
2	001665	Huỳnh Kim Bảo	12A2	111	4.15	612	3.68	133	3.75	421	5.25	123	4.7						
3	001829	Lê Thanh Chắc	12A2	111	5.8	412	3.68	132	6.75	221	5.5	124	6						
4	001564	Lê Hoàng Đức Duy	12A2	111	6.1	121	3.85	134	5.25	221	5.75	214	5.75						
5	001966	Cao Ngọc Thùy Dương	12A2	111	6.5	312	5.08	131	6.25	221	6.5	123	5						

STT	SBD	Họ và tên	Lớp	TOÁN		ANH		SỬ		LÝ		HÓA		SINH		ĐỊA		KTPL	
				Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm
6	001614	Đoàn Tấn Đạt	12A2	111	3.05	121	3.68	132	3.5	421	7	213	4.75						
7	001540	Phạm Thúy Đình	12A2	111	5.1	121	4.38	134	5.75	121	6	211	6.25						
8	001466	Đình Xu Han	12A2	333	3.65	121	3.85	134	6.25	321	5.75	211	5.25						
9	001516	Nguyễn Dũng Nhân Hậu	12A2	111	5.5	121	4.03	134	5.25	321	5	213	4.25						
10	001639	Bùi Nguyễn Minh Hoàng	12A2	333	2.9	121	2.8	131	5.5	121	6.25	212	4.1						
11	001860	Nguyễn Trần Gia Huy	12A2	444	3.55	412	4.03	131	5.75	221	5.75	122	4.85						
12	001565	Phan Phạm Thành Huy	12A2	333	3.9	123	2.98	132	4.25	421	5.25	213	5.5						
13	001888	Nguyễn Tuấn Hưng	12A2	111	4.2	312	3.85	132	6.75	421	4.75	124	5.35						
14	001442	Nguyễn Vũ Minh Hương	12A2	333	4.8	122	3.33	134	3	221	5	211	4.35						
15	001970	Lê Trọng Hữu	12A2	222	3.1	312	3.15	133	5.5	221	6	122	4.25						
16	001834	Nguyễn Mai Hoàng Khang	12A2	111	4	512	3.68	134	5.75	221	6.25	124	5.1						
17	001917	Nguyễn Vũ Anh Khoa	12A2	222	1.95	312	3.5	134	6.5	121	5.25	122	4.35						
18	001753	Trịnh Anh Khoa	12A2	333	4.4	512	3.15	131	6	221	6	122	4.75						
19	001467	Nguyễn Thanh Anh Khôi	12A2	444	3.65	122	2.8	133	3.75	321	6.25	212	5						
20	001835	Phan Ngô Anh Khôi	12A2	444	3.3	312	2.63	132	3.5	321	5	124	3.75						
21	001810	Phạm Lê Thanh Long	12A2	111	3.9	512	4.38	133	5.75	321	5.25	123	5						
22	001756	Vũ Hoàng Nhật Long	12A2	333	3.2	412	1.75	134	5.75	221	4.5	121	4.6						
23	001675	Đoàn Minh Mẫn	12A2	111	3.45	512	3.33	132	4	421	4.5	124	3.85						
24	001757	Dương Khải Minh	12A2	111	5.4	512	4.38	134	5.75	121	6	123	5.75						
25	001676	Nguyễn Hải Nam	12A2	333	3.15	312	3.5	134	4.25	421	6.25	123	5.25						
26	001922	Nguyễn Thị Thanh Ngân	12A2	333	4.4	512	4.03	133	6.5	121	5.25	124	5.75						
27	001950	Phạm Thanh Nhật	12A2	333	5.1	312	3.85	133	6.25	221	5	123	5.25						
28	001616	Nguyễn Võ Quỳnh Như	12A2	222	5.3	122	3.5	132	6.75	321	6.75	212	5.5						
29	001706	Trần Đặng Tuấn Phát	12A2	444	5.5	612	4.38	134	6.5	321	5.75	124	5.35						
30	001817	Nguyễn Anh Quân	12A2	111	4.65	312	4.55	132	5.75	221	5.5	123	6.25						
31	001592	Phan Vĩnh Quân	12A2	333	3.45	124	3.15	132	5.5	121	6	211	4.5						
32	001735	Trịnh Minh Quân	12A2	333	3.75	512	3.15	131	5.75	121	5.75	124	5.25						
33	001567	Lê Tấn Tài	12A2	222	3.6	124	4.73	134	6.25	121	6.5	211	6.25						
34	001444	Trần Kim Thanh	12A2	222	4.4	123	4.2	132	6.5	421	5.75	212	5.25						
35	001737	Võ Kim Thắng	12A2	222	3.45	412	2.98	133	5.5	121	6	122	6.25						
36	001956	Dương Trọng Tấn Thịnh	12A2	V	V	V	V	V	V			V	V						

STT	SBD	Họ và tên	Lớp	TOÁN		ANH		SỬ		LÝ		HÓA		SINH		ĐỊA		KTPL	
				Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm
37	001902	Đặng Huỳnh Trường Thịnh	12A2	222	2.75	412	4.03	133	6	221	4.75	123	4						
38	001849	Nguyễn Cao Đức Tiến	12A2	333	3.7	612	3.15	133	6.25	421	5.75	121	5.2						
39	001904	Nguyễn Hoàng Tiến	12A2	222	2.4	512	2.8	133	2.75	421	3.25	124	3.25						
40	001740	Võ Minh Tiệp	12A2	333	3.6	512	4.55	132	6	321	5.5	121	5.25						
41	001469	Nguyễn Minh Trí	12A2	111	3.8	121	5.6	133	3.5	321	4.5	212	3						
42	001593	Huỳnh Thanh Tuấn	12A2	333	4.35	123	3.33	133	6.25	221	6	213	5.5						
43	001689	Phan Long Vĩ	12A2	444	5.3	512	4.38	134	6	421	5.25	123	5.1						
44	001935	Lê Võ Thành Vinh	12A2	444	3.9	312	3.85	132	6.5	121	5.5	123	4.85						
45	001544	Nguyễn Vũ Thúy Vy	12A2	111	5.6	123	4.2	134	6.5	221	6.75	212	5.25						
46	001826	Quách Ngọc Thảo Vy	12A2	222	5.3	512	2.8	132	6.5	321	5.5	122	5.5						
1	001663	Đoàn Tuấn An	12A3	222	5.1	412	3.5	131	4	221	4	122	4.75			404	2.5		
2	001909	Trần Ngọc Thanh An	12A3	222	5.1	312	2.1	133	5.25	321	4.25	122	4.45			401	5		
3	001718	Nguyễn Quốc Anh	12A3	444	4.3	312	3.33	133	5.5	121	5.5	214	4.25			302	5.25		
4	001910	Nguyễn Tuấn Anh	12A3	222	3.5	612	3.33	132	3.75	421	5.25	123	3.75			401	4.25		
5	001855	Phạm Thị Hồng Ánh	12A3	111	5.1	512	3.85	133	5	121	4.75	123	5.25			403	4.75		
6	001828	Nguyễn Hoài Ân	12A3	444	6	312	4.73	134	6.25	121	6	122	5.1			404	6.25		
7	001937	Trần Văn Bách	12A3	111	4.4	612	3.68	132	6.25	221	5.5	124	3.85			403	5		
8	001801	Đặng Võ Gia Bảo	12A3	333	4.2	312	2.98	133	3.25	121	5.5	121	4.1			401	4.5		
9	001747	Trần Gia Bảo	12A3	333	2.65	412	1.58	132	3.75	221	3	124	2.25			402	2.85		
10	001667	Nguyễn Hồng Đức	12A3	222	4.85	612	2.63	131	3.5	421	3.75	122	5.1			401	5		
11	001721	Nhữ Quang Đức	12A3	444	5.6	512	3.68	132	6	221	6.25	121	4.35			401	5		
12	001590	Trần Ngọc Hiệp	12A3	111	5.6	121	2.98	131	5.75	121	5	214	4.5			403	4.6		
13	001941	Nguyễn Việt Hoàng	12A3	111	3.7	412	3.85	131	5.75	121	4.5	124	3.6			402	5.25		
14	001723	Đồng Nhật Huy	12A3	111	4.7	412	4.03	131	5.75	121	5.75	121	6			401	3.75		
15	001671	Kiều Minh Khoa	12A3	222	4.4	412	4.2	131	6	321	6	123	4.35			401	5		
16	001971	Nguyễn Đăng Khoa	12A3	222	3.9	612	3.33	133	6	321	5	211	4.5			304	6.5		
17	001672	Lê Minh Kiệt	12A3	222	4	412	4.38	133	5.75	121	5	121	5.5			401	4.75		
18	001673	Lê Thùy Linh	12A3	222	5	412	4.2	134	4.75	321	4.75	122	5.25			403	4.75		
19	001517	Lê Thị Hồng Loan	12A3	111	4.2	122	2.98	131	5.25	321	5	211	3.85			402	3.25		
20	001946	Nguyễn Võ Minh Long	12A3	222	2.2	512	2.28	122	5	521	4.75	211	4			303	5.5		
21	001591	Hoàng Tuyết Minh	12A3	222	3.4	122	3.5	131	6.5	221	5.5	212	4.25			403	4.85		

STT	SBD	Họ và tên	Lớp	TOÁN		ANH		SỬ		LÝ		HÓA		SINH		ĐỊA		KTPL	
				Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm
22	001640	Nguyễn Phúc Lê Minh	12A3	444	5.1	121	3.85	131	4.25	421	5.75	213	4.75			401	4.6		
23	001812	Đặng Hoàng Nam	12A3	111	5.6	312	3.33	134	6.25	421	6	124	5.75			403	5.5		
24	001813	Trần Quỳnh Ngọc	12A3	333	5.05	512	3.68	134	5.5	421	5.75	123	5			402	4.75		
25	001786	Nguyễn Hữu Nhân	12A3	333	3.3	612	4.03	133	4.75	321	5	121	4.5			403	5		
26	001978	Nguyễn Thảo Nhi	12A3	444	4.1	512	3.85	132	6	121	5.5	124	4.85			401	4.1		
27	001897	Nguyễn Huỳnh Như	12A3	222	2.95	512	2.98	123	5.25	321	4.75	214	5			404	5		
28	001870	Lê Hoàng Phú	12A3	333	6.1	312	4.55	134	6	121	5.5	124	5.25			402	7		
29	001898	Nhan Thành Phú	12A3	222	4.7	312	3.85	133	6.5	421	4.75	123	5.25			404	5.5		
30	001926	Nguyễn Hoàng Bảo Phúc	12A3	333	4.2	312	1.75	131	5.5	121	4.75	123	3.5			401	3.35		
31	001518	Nguyễn Mai Phương	12A3	444	6.5	124	4.9	134	6.5	421	6.5	212	4.5			403	5.75		
32	001928	Phạm Trung Tài	12A3	444	5.6	412	3.68	134	6.5	121	4.75	124	4.6			401	5.75		
33	001820	Trần Trí Thọ	12A3	222	4.9	412	3.5	134	5	321	4.75	123	4.85			404	5.5		
34	001984	Nguyễn Anh Thư	12A3	222	4.8	612	3.68	131	6.75	221	5.5	122	5.75			402	6.25		
35	001930	Nguyễn Cao Anh Thư	12A3	333	4.3	512	4.03	134	5.75	121	4.75	121	5.75			401	4.75		
36	001850	Nguyễn Thị Thu Trang	12A3	333	4.4	312	5.08	134	4.75	421	5.5	123	5			404	4.5		
37	001687	Nguyễn Trần Quỳnh Trâm	12A3	111	6	612	3.68	133	6	321	5.75	123	4.75			404	4.85		
38	001741	Lê Minh Trí	12A3	111	4.7	612	4.2	134	2.5	221	4	121	4.5			403	3.85		
39	001824	Phạm Lê Minh Trung	12A3	444	5.1	312	3.15	131	3.25	421	4.5	121	5			402	4.5		
40	001742	Ngô Xuân Trường	12A3	222	3.9	412	3.33	133	6.25	121	5.25	122	4.85			403	5.25		
41	001770	Lê Thị Thanh Tuyền	12A3	222	4.2	312	4.2	133	5.75	121	5	122	4.1			401	4.75		
42	001825	Ngô Thanh Vi	12A3	444	5.8	312	4.55	131	6.75	321	6.25	124	5.35			404	6.75		
43	001716	Trương Quốc Vinh	12A3	333	3.3	512	3.5	131	6	221	4.75	121	4.6			401	4.5		
44	001618	Nguyễn Huỳnh Bảo Vy	12A3	333	5.3	121	3.33	132	5	421	5.75	214	4.25			401	4		
1	001460	Khương Vũ Tuyết An	12A4	444	4	123	4.03	134	5.5	321	5	212	4.85					131	6.75
2	001515	Đặng Quỳnh Anh	12A4	222	6.3	123	4.2	131	6	421	4.75	212	4					131	6.25
3	001559	Trần Quế Anh	12A4	444	3.65	122	4.38	132	3.5	121	5	211	4.85					131	6.5
4	001485	Lâm Gia Bảo	12A4	333	2.55	123	4.9	132	4.75	121	3.5	214	3.75					134	5.5
5	001535	Thái Thị Ngọc Bích	12A4	444	5.8	123	4.2	134	6.5	221	5.25	214	4.75					134	6.75
6	001609	Lê Hoàng Bảo Châu	12A4	222	4.15	122	4.38	133	5.25	221	4.25	211	3.5					133	5
7	001658	Nguyễn Lê Ngọc Châu	12A4	333	4.4	123	2.8	134	5.75	421	4.5	211	4.25					133	5.6
8	001584	Lê Hoàng Danh	12A4	333	5.6	121	3.33	134	5.25	121	4.5	213	3.25					134	5.1

STT	SBD	Họ và tên	Lớp	TOÁN		ANH		SỬ		LÝ		HÓA		SINH		ĐỊA		KTPL	
				Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm
9	001510	Cao Hoàng Nhật Duy	12A4	222	6	122	3.85	134	6.5	321	5	214	4.6					133	5.25
10	001461	Nguyễn Huỳnh Hà Duyên	12A4	444	4.6	124	2.98	131	5.75	121	5.5	213	4.25					133	6.25
11	001751	Mã Gia Huy	12A4	222	4	412	4.03	132	6.5	421	4.5	122	4.35					132	6.5
12	001697	Nguyễn Gia Huy	12A4	111	5.2	312	3.85	133	6.5	321	6.25	122	5					131	6.25
13	001486	Bùi Minh Khang	12A4	111	3.9	122	3.85	132	6	221	3.75	V	V					132	6
14	001752	Đỗ Phúc Khang	12A4	333	4.2	612	3.68	131	4.75	221	5.5	122	4.85					133	5.35
15	001536	Bùi Nguyễn Minh Khôi	12A4	222	5.1	121	3.33	132	6.25	121	4.75	213	5.5					131	6.75
16	001972	Nguyễn Nhật Anh Kiệt	12A4	444	5.5	412	3.68	134	5.5	321	6.5	122	6.75					131	6.25
17	001610	Bùi Thị Kha Lan	12A4	111	6.5	124	5.08	131	7	421	5.5	211	4					131	6.75
18	001659	Trần Thị Ngọc Lan	12A4	111	5.9	121	3.5	132	5.75	421	5.5	213	5					131	6.75
19	001919	Trần Tổng Mỹ Linh	12A4	111	4.6	412	4.38	132	6	221	5.5	123	5					131	6.5
20	001755	Lưu Chúc Loan	12A4	222	2.4	612	4.55	131	3.75	221	4	124	3					132	6.75
21	001585	Trần Xuân Long	12A4	111	5.8	123	2.8	134	5.5	121	5.5	213	4					131	7
22	001511	Phạm Lê Thảo Ly	12A4	222	4.1	123	3.85	133	6.25	421	4.75	214	4.45					133	5.5
23	001561	Trương Hải My	12A4	111	5.1	123	3.85	134	5.25	421	4.75	212	4.25					131	3.85
24	001566	Nguyễn Gia Nghi	12A4	444	5.8	122	3.5	131	6	521	5.25	123	5					134	7
25	001537	Thạch Thị Quỳnh Như	12A4	333	1.6	122	3.68	133	4	321	3.5	212	4.1					134	4.75
26	001660	Phan Nguyễn Thanh Phong	12A4	222	4.4	124	3.68	134	6.5	321	5.75	214	5.25					134	7
27	001586	Văn Nhật Phong	12A4	222	2.15	122	2.1	133	2.25	221	2.25	212	3					131	5
28	001512	Nguyễn Lâm Trọng Phúc	12A4	111	3.8	123	3.85	132	4.5	321	5.5	211	4.5					131	5
29	001463	Trần Thanh Phúc	12A4	222	5.3	121	2.98	133	6.75	121	5.5	211	4.6					131	6.5
30	001636	NGUYỄN NGỌC QUỲNH	12A4	444	5.8	122	4.03	134	6	121	6.5	213	5.75					133	5.75
31	001562	Trần Thị Nhã Quỳnh	12A4	222	5.9	124	2.8	131	5.75	221	5.25	211	4.5					132	7
32	001791	Nguyễn Đoàn Thanh Tâm	12A4	333	4.2	612	3.85	122	5.25	321	4.5	213	4.5					134	6.25
33	001488	Nguyễn Huỳnh Thanh Thảo	12A4	444	5.2	123	2.8	134	6.5	321	5.75	211	3.6					132	6
34	001612	Huỳnh Hoa Thuận	12A4	444	6.3	123	4.03	133	5.5	421	5.75	212	4.85					134	5.75
35	001661	Lê Kim Thùy	12A4	444	4.2	122	4.38	132	6	121	5	213	3.85					134	6.75
36	001768	Huỳnh Nữ Thu Trang	12A4	111	2.35	612	3.68	124	5.75	221	4	213	4.25					133	4.75
37	001799	Nguyễn Thành Trí	12A4	222	4.75	412	3.85	134	4.25	221	5.25	121	6.1					134	6.5
38	001519	Hồ Trần Ngọc Trinh	12A4	444	4.8	123	3.33	132	6.75	121	6	211	5.85					134	7
39	001513	Lê Thị Thanh Trúc	12A4	111	6.5	122	4.03	134	5.5	421	6	213	4.6					134	7

STT	SBD	Họ và tên	Lớp	TOÁN		ANH		SỬ		LÝ		HÓA		SINH		ĐỊA		KTPL	
				Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm
40	001464	Trần Đình Tuấn Tú	12A4	444	5.4	121	4.38	133	4.25	321	5	213	3.35					132	4.75
41	001563	Điền Khánh Vy	12A4	444	5.1	124	3.68	134	4.5	221	4.75	211	5.75					133	5.75
42	001489	Lâm Thúy Vy	12A4	222	4.8	124	2.63	134	6	421	6	214	5.25					133	5.75
43	001539	Lê Trần Khánh Vy	12A4	222	2.6	124	3.68	133	5.25	121	3	214	3.85					133	5.5
1	001717	Nguyễn Tấn An	12A5	444	3.7	612	3.85	132	6			123	4.5	703	6	402	5		
2	001475	Nguyễn Văn Nam Anh	12A5	444	3.5	124	4.03	133	3.5			214	3.75	701	5.5	403	3		
3	001856	Nguyễn Tất Cẩm	12A5	444	4.2	412	2.98	133	6.25			213	4	701	6	302	6.25		
4	001939	Võ Nguyên Như Định	12A5	222	2.7	312	2.98	133	5.5			122	4.85	704	5.35	402	6		
5	001885	Nguyễn Tất Đồng	12A5	444	3.9	512	2.8	133	6			122	5	704	5.75	402	4.85		
6	001940	Nguyễn Ngọc Bảo Hân	12A5	222	3.05	612	3.33	134	5			124	4.5	701	5.25	404	4.75		
7	001722	Vân Ngọc Kim Hiền	12A5	444	3.15	312	3.68	133	4.5			121	4.5	701	4.25	401	4.25		
8	001526	Nguyễn Ban Mai Hoàng	12A5	444	2.6	122	3.85	134	4.75			211	3.75	701	5.1	402	4		
9	001456	Nguyễn Phi Hùng	12A5	333	3.9	121	3.85	132	6.5			213	4.1	503	6	301	6.75		
10	001942	Phạm Quang Huy	12A5	111	3.4	412	3.68	131	6.25			124	4.1			402	4.35		
11	001595	Trương Gia Hy	12A5	222	4.9	124	2.98	122	4.75			213	4.25	504	4.85	404	3.35		
12	001779	Nguyễn Bảo Khang	12A5	444	4.7	612	2.8	133	6.75			123	5.25	704	5.25	404	5.5		
13	001943	Nguyễn Minh Khang	12A5	222	2.8	312	3.68	134	5.75			122	4.35	704	5.1	402	4.25		
14	001807	Lê Quốc Khánh	12A5	222	2.75	312	3.85	133	3			211	5	701	5.6	303	4.5		
15	001863	Lê Hoàng Lân	12A5	111	2.95	312	2.28	132	4.25			124	4.35	704	4.85	403	4.25		
16	001864	Nguyễn Phi Long	12A5	444	2.8	612	2.63	132	5.25			121	4.35	703	5.25	403	5.25		
17	001837	Nguyễn Trọng Thiên Long	12A5	222	4.6	412	4.2	131	5.75			121	5.5	704	5.5	403	4.5		
18	001625	Tô Hoàng Long	12A5	222	3.55	122	4.38	134	6.5			213	4	702	4.85	404	5.5		
19	001865	Phạm Trần Khánh Ly	12A5	444	3.3	412	3.33	133	6			121	4.25	701	5.25	403	4.75		
20	001635	Nguyễn Thị Hạ Mì	12A5	333	2.35	123	3.15	132	3.75			212	3.5	501	5.25	301	6.25		
21	001601	Đoàn Thùy My	12A5	222	2.5	123	2.8	131	5.5			213	4.25	701	5.75	402	4.25		
22	001730	Nguyễn Sơn Nam	12A5	222	3.3	612	3.15	134	5.5			123	4.6	701	5.5	401	5		
23	001759	Trần Hà Bảo Nguyên	12A5	444	3.5	612	2.1	134	5.25			121	3.2	701	5.75	402	5.75		
24	001704	Dương Hoài Nhân	12A5	111	4.1	412	4.2	132	4.75			124	5	704	5.25	403	5		
25	001678	Huỳnh Ngọc Nhi	12A5	333	3.4	412	3.85	134	5.75			124	4.85	704	5.75	402	5		
26	001732	Lê Thị Linh Nhi	12A5	333	2.55	312	3.15	132	5.5			122	3.85	702	5	403	4.25		
27	001734	Hoàng Ngọc Phúc	12A5	222	4.8	512	4.55	132	5.5			122	5.35	702	5.1	402	4.5		

STT	SBD	Họ và tên	Lớp	TOÁN		ANH		SỬ		LÝ		HÓA		SINH		ĐỊA		KTPL	
				Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm
28	001627	Nguyễn Thanh Sơn	12A5	333	2.45	121	5.25	134	5.75			214	5.5	702	5.6	403	4.5		
29	001709	Trần Ngọc Tài	12A5	333	2.75	612	3.68	132	3.75			122	5	702	5.6	402	5.25		
30	001553	Đàm Phương Thảo	12A5	111	2.6	123	2.63	133	4.5			213	3.85	702	4.5	402	5.75		
31	001931	Lý Mai Thủy Tiên	12A5	333	2.9	512	3.85	132	6			123	5.25	702	5.6	401	4.75		
32	001712	Nguyễn Ngọc Bảo Tiên	12A5	111	3.7	512	3.15	131	5.5			121	4.1	702	6	402	5		
33	001877	Mai Ngọc Trang	12A5	222	3.15	612	3.5	134	5			122	5.1	704	5.1	404	4.75		
34	001959	Nguyễn Thị Thùy Trang	12A5	444	5.5	312	4.2	V	V			122	4.85	V	V	401	5.25		
35	001987	Lê Minh Trí	12A5	111	3.15	612	3.33	133	6			121	4.6	701	5.25	401	4.25		
36	001769	Tạ Việt Trí	12A5	111	2.8	612	4.38	134	5.5			123	4.2	702	5.1	403	6.75		
37	001587	Trần Ngọc Thiên Triều	12A5	444	3.65	124	2.8	134	3			214	4.75	503	5.35	304	5.5		
38	001578	Phan Hoàng Anh Tuấn	12A5	222	2.7	124	4.03	134	6.25			214	4.1	702	5.25	402	5		
39	001797	Trần Thị Bích Tuyền	12A5	444	4	412	3.15	131	6.25			122	4.75	701	6	403	5		
40	001989	Nguyễn Hoàng Việt	12A5	333	4.6	312	4.03	134	5.25			121	3.85	701	5	403	4.85		
41	001613	Nguyễn Lê Thanh Vy	12A5	444	2.7	121	3.33	133	6.25			212	5	502	5.85	301	5.25		
42	001662	Nguyễn Ngọc Tường Vy	12A5	111	1.3	124	3.85	131	3.75			212	3.25	504	4.75	302	5.75		
1	001963	Tăng Thị Thúy An	12A6	111	3.8	412	2.8	132	3.75			211	4.5	702	4.75			121	4.75
2	001643	Nguyễn Thiên Ân	12A6	333	2.95	121	2.45	132	6.25			212	5.25	502	5.25			124	6
3	001693	Trương Thanh Bảo	12A6	111	3.9	612	4.2	134	6			123	4.85	703	6.5			133	6
4	001569	Phan Hạo Duy	12A6	333	4.55	123	3.85	134	5.5			212	5	502	6.5			121	6.5
5	001441	Ngô Thùy Dương	12A6	111	5.3	122	4.03	133	6.5			121	4.5	504	5.85			132	6.5
6	001912	Nguyễn Thùy Ánh Dương	12A6	111	4.3	412	3.68	133	6.5			123	4.85	703	5.1			132	6.25
7	001619	Đặng Gia Hân	12A6	333	4.8	123	4.38	123	5.5			211	5.25	502	6.25			133	5.75
8	001476	Đình Gia Hân	12A6	V	V	V	V	V	V			V		V	V			V	V
9	001914	Nguyễn Trần Trọng Hiếu	12A6	222	3.9	512	3.85	133	4.5			124	4.2	703	5.35			131	6.25
10	001969	Lâm Nhựt Huy	12A6	444	3.2	512	2.98	133	4.5			211	5	701	6.25			122	5.25
11	001615	Võ Thị Quỳnh Hương	12A6	111	5.5	123	4.03	131	7			123	5.25	504	6			133	5.75
12	001575	Nguyễn Minh Kha	12A6	222	2.6	122	2.8	132	4			214	3.75	701	3.25			134	5
13	001501	Nguyễn Trần Anh Khoa	12A6	333	3.8	121	4.03	131	6.25			212	4.6	704	5.35			131	5.35
14	001918	Trần Hoàng Anh Kiệt	12A6	222	4.9	312	3.68	134	3.75			213	4.25	703	6.25			123	5.25
15	001836	Hoàng Ngọc Thanh Liên	12A6	444	3.7	312	4.2	134	6.25			121	4.1	702	6.1			132	6.5
16	001701	Đặng Ngọc Hoàng Long	12A6	111	4.5	312	3.85	131	6.75			124	4.6	702	5.6			133	5.1

STT	SBD	Họ và tên	Lớp	TOÁN		ANH		SỬ		LÝ		HÓA		SINH		ĐỊA		KTPL	
				Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm
17	001551	Phạm Phước Lộc	12A6	222	3.2	122	2.63	134	5.5			212	5.5	503	6.5			121	5.25
18	001477	Nguyễn Thị Ngọc Mai	12A6	333	3.6	123	3.5	131	6.25			211	5.35	704	6			133	5.1
19	001527	Trần Ngọc Mai	12A6	444	3.7	121	4.2	131	6.25			212	5.5	703	6			132	6.5
20	001758	Phạm Hồng Ngân	12A6	444	5	312	4.2	132	6			121	6.25	701	6			134	7
21	001552	Nguyễn Quỳnh Thanh Ngọc	12A6	333	4.35	123	3.33	134	6			214	4.25	702	5.35			133	5
22	001705	Nguyễn Thị Yến Nhi	12A6	333	1.9	312	4.73	134	3.25			214	4.75	702	4.75			124	5.5
23	001478	Phạm Ngọc Nhi	12A6	111	5.1	121	4.55	131	6.25			213	5.25	704	5.85			133	5.75
24	001602	Nguyễn Ngọc Kim Như	12A6	111	5	122	4.55	133	6.25			212	5.5	701	6.25			134	6
25	001788	Trương Minh Phong	12A6	222	4.4	312	3.5	132	6			214	5	703	5.75			121	5.5
26	001952	Nguyễn Nhật Thiên Phú	12A6	V	V	V	V	V	V			V	V	V	V			V	V
27	001503	Nguyễn Trần Thiên Phúc	12A6	222	5.5	122	4.2	131	6.25			214	5.5	503	5.5			123	5
28	001927	Lưu Minh Quyển	12A6	444	4.6	412	3.5	133	6			212	4.75	701	5.75			121	5.5
29	001900	Nguyễn Đặng Diệp Sơn	12A6	333	2.4	312	3.85	134	5.5			123	3.85	704	5.5			133	5.6
30	001818	Phạm Sỹ Hồng Sơn	12A6	111	3	612	2.98	132	4.75			212	4.6	703	5.25			122	4.25
31	001764	Phan Lê Anh Tài	12A6	111	3.85	612	4.55	132	6			211	4.25	703	6			124	5
32	001955	Dương Quốc Thành	12A6	333	4.9	312	2.8	133	6.5			212	4.25	702	6			123	5.75
33	001765	Võ Ngọc Bảo Thi	12A6	222	3.95	312	3.5	132	6.5			123	5	703	6.5			132	6.5
34	001847	Trần Minh Thiện	12A6	333	2.25	512	3.33	132	6.25			214	3.5	702	5.1			123	5.25
35	001617	Trần Quốc Thịnh	12A6	222	3.9	124	3.15	132	3.75			124	4.1	504	4.85			134	5.75
36	001903	Phạm Thị Hoài Thương	12A6	111	3	612	3.33	133	5.75			211	4.35	704	4.75			124	5.25
37	001932	Bùi Mai Trang	12A6	444	1.8	612	2.98	133	3			213	2.75	704	3			124	4.35
38	001934	Hồ Thanh Tú	12A6	111	4.3	412	3.85	133	6.25			123	5.5	703	5.75			131	7
39	001880	Nguyễn Ngọc Luân Vũ	12A6	111	2.45	612	3.33	132	5			214	4.75	703	6.25			124	6.5
40	001504	Cao Thị Hoàng Yến	12A6	111	3.75	122	3.33	131	4.75			213	4.1	704	5.1			134	5
1	001450	Phan Nguyễn Phương An	12A7	444	3.6	122	4.03	131	6.5	721	6.5					401	6.25	124	6.25
2	001628	Dương Hoàng Minh Anh	12A7	V	V	124	2.8	V	V							V	V	132	5
3	001623	Hồ Nguyễn Quỳnh Anh	12A7	111	3.5	121	3.68	131	6	821	5.5					404	5.5	124	6
4	001549	Nguyễn Quỳnh Anh	12A7	333	4.3	121	3.5	132	4	821	5					404	5.5	121	5.75
5	001574	Nguyễn Thanh Bình	12A7	444	2.65	124	3.68	131	5.25	521	5					401	4.5	123	5.75
6	001500	Nguyễn Đoàn Thy Cẩm	12A7	333	6	124	4.38	134	6.5	821	5.5					402	7	121	6.5
7	001451	Phạm Bảo Châu	12A7	444	5.8	123	4.2	133	6.75	521	6.25					403	6.25	124	5.5

STT	SBD	Họ và tên	Lớp	TOÁN		ANH		SỬ		LÝ		HÓA		SINH		ĐỊA		KTPL	
				Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm
8	001694	Lê Phúc Đạt	12A7	222	4.8	312	3.68	133	6.5	221	5					303	6.5	132	6
9	001831	Nguyễn Hoàng Gia Hân	12A7	444	3.4	512	3.15	132	5.5	521	4.75					301	7	121	5.75
10	001600	Nguyễn Công Huy	12A7	333	3.45	121	3.33	134	5.5	521	4.25					404	6.25	122	5
11	001833	Phạm Gia Huy	12A7	111	2.95	612	3.85	123	4.5	721	4.5					304	4.5	133	4.6
12	001726	Nguyễn Hoàng Anh Kiệt	12A7	444	3.35	412	2.8	124	4.25	121	4.25					403	4.75	132	5.5
13	001452	Nguyễn Hà Quế Lam	12A7	222	4.35	123	4.38	134	6.25	721	5.75					403	6	122	6
14	001782	Hoàng Nguyễn Hải Long	12A7	111	2	612	3.68	133	3.5	721	3.75					303	5.25	124	6.25
15	001580	Nguyễn Vũ Luân	12A7	333	4.6	121	4.2	131	6	821	3.5					302	6.5	132	5.35
16	001866	Nguyễn Ngọc Thảo My	12A7	333	3.8	512	3.33	123	6	421	5.5					402	6	134	5.5
17	001576	Nguyễn Phan Thúy Nga	12A7	333	6.1	123	3.85	134	6.25	821	5.5					402	7	123	5
18	001502	Hồ Thị Ngân	12A7	222	5.8	123	4.2	133	7	521	5					402	6	124	5.25
19	001453	Huỳnh Thiên Ngân	12A7	333	4.8	124	3.5	131	4.75	621	5					402	5.25	124	5
20	001626	Lê Kim Ngân	12A7	333	5.8	123	3.33	132	6.25	721	5.5					402	5.5	123	5.75
21	001528	Bùi Huỳnh Thảo Như	12A7	333	3.4	123	3.85	133	5.75	821	4.5					401	5.75	122	6.25
22	001651	Trần Trịnh Duy Phong	12A7	111	3.65	123	3.33	132	5.75	821	4.25					403	3.85	121	5.5
23	001577	Dương Hồng Phúc	12A7	111	3.05	121	2.8	133	3.5	821	3.5					402	4.25	124	5.75
24	001871	Huỳnh Thị Nhã Phương	12A7	333	3.2	512	4.2	132	5.25	821	4.5					302	6.5	123	4.25
25	001899	Dương Đăng Quang	12A7	333	5.1	412	3.85	131	6	621	4.75					302	6.75	122	5.25
26	001681	Nguyễn Trần Hoàng Quân	12A7	333	4.1	312	4.2	122	6	421	4.25					401	4.5	131	5.5
27	001454	Lê Nguyễn Như Quỳnh	12A7	111	5.3	124	4.38	133	6.25	821	5.75					402	5.75	123	4.75
28	001682	Thạch sanh	12A7	333	3.6	412	3.68	121	4	521	2					401	4	123	4
29	001982	Phạm Tấn Tài	12A7	333	2.7	312	3.68	121	4.25	521	4					304	6	132	6
30	001901	Vũ Tiến Thành	12A7	444	4.05	512	3.5	131	4.75	621	3.5					304	5.25	122	5.25
31	001479	Phan Diệu Thảo	12A7	222	4.25	123	3.85	131	6	721	4.5					404	4.5	123	5.25
32	001529	Nguyễn Thị Minh Thư	12A7	333	4.7	124	2.8	131	5.75	621	5.25					401	5.35	122	4.5
33	001603	Đặng Cát Tiên	12A7	111	5.3	124	4.03	134	5.75	721	6					401	6.5	121	5.25
34	001558	Nguyễn Đình Tiến	12A7	222	5.1	122	3.85	133	6.5	821	5.25					303	6.75	133	5.5
35	001986	Nguyễn Bá Toàn	12A7	222	2.65	312	3.15	132	3.25	821	3					304	4.5	122	4.5
36	001652	Nguyễn Thị Bé Trâm	12A7	222	4.8	122	3.33	131	6	621	4.75					404	6.25	124	5.25
37	001933	Nguyễn Minh Trí	12A7	444	4.6	612	3.5	124	5	221	4.5					404	4.75	132	5.5
38	001796	Vũ Danh Trọng	12A7	111	3	612	2.8	131	4.75	821	5					302	6.5	122	4.85

STT	SBD	Họ và tên	Lớp	TOÁN		ANH		SỬ		LÝ		HÓA		SINH		ĐỊA		KTPL	
				Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm
39	001688	Mai Mạnh Trung	12A7	444	2.95	312	3.5	134	3.5	721	3.75					302	5.75	123	5.75
40	001988	Nguyễn Minh Trường	12A7	111	3.15	412	2.8	124	3.5	621	3.75					404	4	121	6
41	001637	Nguyễn Thị Thu Vân	12A7	444	3.6	124	3.33	133	5.5	221	6.25					403	5.25	132	7
42	001743	Lê Thế Việt	12A7	222	3.9	412	3.85	133	5	821	4.25					301	6.75	124	6.25
43	001608	Hoàng Quang Vinh	12A7	222	2.5	124	3.15	131	4.75	821	4					301	6.5	131	5.75
1	001455	Trần Ngọc Khánh An	12A8	222	3.55	121	4.55	134	5	821	5.25					304	6	132	5.25
2	001633	Lê Ngô Tuấn Anh	12A8	222	3.7	124	5.25	134	4	321	5.5					403	6	134	5.6
3	001599	Trần Gia Ân	12A8	111	3.4	121	3.15	131	5.5	721	4.5					403	4.85	122	5.75
4	001965	Nguyễn Đình Hoàng Bảo	12A8	222	4.1	512	3.15	131	6.25	121	6.5					302	7	134	7
5	001648	Trần Gia Bảo	12A8	444	6	122	3.5	132	6.5	621	5.25					401	6.25	122	6
6	001624	Nguyễn Hồ Quốc Danh	12A8	222	4.4	124	3.68	133	6	621	4.25					404	6.25	123	6
7	001604	Lê Quang Đạt	12A8	444	5.3	123	4.38	133	4.25	521	5					301	7	132	5.5
8	001775	Nguyễn Thành Đạt	12A8	1	3	120	3.5	129	5	123	2.5					305	4.75	129	5.75
9	001550	Trần Tiến Thành Đạt	12A8	444	3.7	122	4.38	132	6.25	621	6					403	6	121	6.25
10	001668	Võ Nguyễn Ngọc Hân	12A8	222	4.1	612	3.68	124	3.75	721	4.25					302	4.35	132	5.5
11	001545	Nguyễn Gia Hoàng	12A8	333	2.9	123	2.98	134	4.25	521	4.75					404	4.75	122	5.25
12	001560	Trần Đồng Huy Hoàng	12A8	333	4.1	123	4.38	132	6.25	221	5.25					402	6.25	132	7
13	001471	Nguyễn Mai Huyền	12A8	444	4.8	122	3.5	132	5.5	721	4.5					404	6.25	122	4
14	001521	Trần Gia Hưng	12A8	333	3.45	122	2.45	134	6	521	4.75					404	3.85	124	4.25
15	001629	Võ Nguyễn Xuân Hương	12A8	444	3.9	122	3.85	133	6.25	721	5.75					301	7	132	6.75
16	001496	Son Đăng Khoa	12A8	333	3.2	123	3.68	131	5.25	821	5					404	5.75	123	6.25
17	001780	Đông Văn Anh Khôi	12A8	444	5.5	512	3.33	132	6.25	221	6					402	6.5	122	6.25
18	001447	Lê Minh Khôi	12A8	333	4	121	4.03	131	3.75	621	4					404	3.5	123	4.5
19	001546	Bùi Thảo Ly	12A8	444	6	124	4.2	132	6.75	721	6.25					403	5.25	123	5.75
20	001472	Trần Ngọc Minh	12A8	222	3.15	121	5.08	131	5.75	721	6					401	5.5	121	5.75
21	001522	Lê Thị Ánh Ngọc	12A8	222	3.6	124	3.5	131	5.25	721	5.75					401	5.75	121	4.75
22	001556	Ngô Thị Thảo Nguyên	12A8	333	3.9	121	4.03	131	6.5	621	6					302	6.75	134	5.5
23	001596	Nguyễn Thiện Nhân	12A8	111	4.35	124	3.15	132	6.25	821	5.5					403	5.5	122	6.5
24	001482	Ma Thị Khánh Nhi	12A8	111	4.9	123	4.73	131	6.75	621	6.25					301	6.5	133	5.5
25	001532	Châu Thảo Như	12A8	111	3.2	121	4.2	131	4.75	621	5.25					302	6.5	134	6.25
26	001458	Võ Kiều Như Phúc	12A8	222	2.3	122	3.15	133	5.75	621	5					303	5.25	131	6

STT	SBD	Họ và tên	Lớp	TOÁN		ANH		SỬ		LÝ		HÓA		SINH		ĐỊA		KTPL	
				Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm
27	001497	Lê Khánh Quỳnh	12A8	333	1.8	122	3.15	133	3.75	621	3.5					403	5	124	6.25
28	001533	Hoàng Gia Thạch	12A8	111	3.65	122	3.5	132	6.25	821	6.25					303	6.5	134	6.5
29	001607	Nguyễn Việt Thành	12A8	333	4.2	122	3.33	134	5	821	4					303	6.25	133	5.5
30	001448	Sâm Thị Thanh Thảo	12A8	111	3.7	121	3.5	132	6.25	721	4.5					402	5.5	121	5.25
31	001656	Trương Thị Thanh Thảo	12A8	222	2.3	124	2.63	133	4	621	3.25					303	5.25	134	6
32	001538	Nguyễn Trần Anh Thế	12A8	111	2.7	124	3.33	132	5.5	521	3.75					302	6.75	131	4.5
33	001459	Nguyễn Minh Thư	12A8	222	4.4	123	3.33	131	6.5	621	5.5					301	6.75	134	6.75
34	001523	Trần Minh Tiến	12A8	222	2.75	121	3.68	131	5.75	521	5.5					402	5.75	121	5.75
35	001646	Phan Bùi Bảo Trâm	12A8	111	2.65	123	2.28	132	4.75	721	4.25					403	5.5	124	5
36	001572	Lê Huỳnh Phương Trinh	12A8	111	3.85	123	2.45	133	5.25	721	4.25					401	5	123	4.5
37	001449	Nguyễn Thành Trung	12A8	111	3.35	122	3.68	132	5	721	5.25					403	5	124	5.25
38	001622	Phạm Trọng Trường	12A8	111	3.5	123	2.63	131	6.75	621	6					402	6.25	122	5.25
39	001852	Nguyễn Phương Uyên	12A8	222	3.4	512	3.68	122	4.5	621	3.75					403	4.75	124	4.25
40	001524	Nguyễn Huỳnh Yến Vân	12A8	111	6.1	123	5.25	133	6.5	521	6					401	7	123	4.75
41	001598	Huỳnh Ngọc Phương Vy	12A8	222	2.15	122	2.8	133	3.5	521	2					401	3.35	123	4.5
42	001647	Huỳnh Nguyễn Xuân Vy	12A8	333	3.3	123	2.28	133	5.25	621	5.25					402	4.25	121	5
43	001573	Lê Phương Vy	12A8	333	2.6	121	3.15	131	5	521	3.5					401	5.25	122	5.5
1	001745	Bùi Nguyễn Thái Hoàng Anh	12A9	222	3.4	312	4.73	124	5.25	621	4.5					303	5.25	131	6.5
2	001772	Đông Thị Vàng Anh	12A9	111	3.2	312	3.33	132	6.25	721	5.25					301	6.25	121	5.25
3	001854	Hàm Tuấn Anh	12A9	111	3.85	312	3.85	131	6.25	821	5.25					302	5.5	121	6.25
4	001692	Phí Phương Anh	12A9	333	3.15	512	2.98	133	5	721	3.5					304	5.5	124	6.25
5	001911	Nguyễn Trường Gia Bảo	12A9	111	3.95	412	3.5	121	3.5	621	6					304	5.25	131	5.75
6	001480	Nguyễn Nghiêm Bảo Bình	12A9	444	3.25	122	3.33	132	2.5	721	5.25					302	6.5	131	5.75
7	001938	Kiều Ngọc Diễm	12A9	111	2.95	612	4.2	122	5	821	5.75					301	6.5	131	5.35
8	001696	Lương Trần Quỳnh Hoa	12A9	333	3.15	512	3.68	123	5	621	4					304	6.25	132	6.25
9	001777	Nguyễn Thị Hòa	12A9	111	2.55	512	3.5	123	4.25	521	2.75					403	3.75	123	5.25
10	001634	Nguyễn Lê Minh Hoàng	12A9	333	5.8	121	5.78	131	6.75	321	6					404	6.25	134	6.75
11	001806	Lê Thị Thanh Hương	12A9	111	4.5	312	4.2	124	5.25	621	6					302	6.75	133	6
12	001725	Nguyễn Đăng Khoa	12A9	444	3.2	612	2.8	132	6.25	621	4					304	6.25	121	4.75
13	001531	Lê Đăng Khôi	12A9	222	4.1	123	4.2	134	6	821	6					304	7	133	6
14	001890	Nguyễn Chi Kiên	12A9	333	2.9	612	3.68	133	5.5	521	4.75					303	6.5	122	5.5

STT	SBD	Họ và tên	Lớp	TOÁN		ANH		SỬ		LÝ		HÓA		SINH		ĐỊA		KTPL	
				Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm
15	001974	Trương Nhật Long	12A9	444	2.8	512	2.8	133	5.5	721	3.75					303	4.6	122	5.25
16	001462	Trần Chi Mai	12A9	111	4	124	5.95	133	3.75	221	4.5					403	4	132	5.5
17	001839	Phạm Lê Thảo My	12A9	111	5.3	512	3.85	123	5	721	5.25					303	5.5	131	6
18	001976	Thân Tấn Nam	12A9	222	3.45	412	3.85	134	5	121	4.75					301	6.5	131	5.75
19	001977	Nguyễn Phước Quý Nguyên	12A9	111	3.25	312	4.55	132	5.5	221	5					401	4.5	123	5
20	001487	Lê Minh Nhật	12A9	222	3.9	124	3.5	133	3.75	221	5.25					403	4.75	131	6.75
21	001841	Nguyễn Thanh Nhật	12A9	333	6.3	512	3.5	124	6	621	5.25					304	5.5	133	6.25
22	001896	Châu Thị Tuyết Nhi	12A9	444	4.6	612	4.38	132	6.5	821	4.75					302	7	123	5.75
23	001787	Phạm Quỳnh Ngọc Nhi	12A9	222	1.8	412	2.8	134	3.75	621	2.75					301	6.75	123	4.75
24	001761	Nguyễn Hữu Phát	12A9	111	2.45	312	3.33	133	3.5	721	3					303	6.5	122	5
25	001611	Nguyễn Ngọc Vân Phi	12A9	333	4.8	123	4.73	131	6.5	421	5.5					401	6.5	134	6.5
26	001843	Nguyễn Minh Phú	12A9	222	4.1	412	3.5	123	5.5	821	6.25					301	6.25	133	5.75
27	001816	Cao Văn Hoàng Phúc	12A9	444	3.6	412	2.98	123	4	621	5					301	4.75	131	4.25
28	001557	Trần Huỳnh Thành Quý	12A9	111	2.85	121	3.85	131	4.5	821	4.75					303	5.75	134	5.5
29	001954	Nguyễn Đăng Ngọc Sang	12A9	444	4.6	512	3.68	133	6.25	521	5.25					304	6.75	123	5.5
30	001873	Trần Minh Tâm	12A9	222	3.05	612	3.68	133	5.75	521	5.25					301	5.25	124	4.1
31	001874	Phạm Đức Thiện	12A9	333	3	312	2.63	131	4.75	521	4					304	6.5	121	6.25
32	001684	Võ Hữu Thọ	12A9	444	4.5	412	2.45	133	5.25	521	3.75					303	6.25	122	6.1
33	001875	Từ Anh Thư	12A9	333	2.7	512	2.98	132	3.75	521	3.75					304	5.5	121	5.5
34	001821	Nguyễn Hoàng Minh Thy	12A9	333	4.8	612	4.2	133	6.25	721	4					301	7	123	4.75
35	001794	Nguyễn Phụng Tiên	12A9	333	3.25	412	3.68	122	4.75	821	5.25					302	5.1	132	7
36	001822	Phạm Quang Tiến	12A9	333	3.7	612	3.5	132	4.25	721	4.5					303	5.5	124	5.25
37	001714	Nguyễn Kiều Thiên Trinh	12A9	444	3.5	312	4.2	131	6.25	621	6.25					302	5.5	121	6
38	001960	Trần Ngọc Thanh Trúc	12A9	111	2.8	312	3.33	134	3.75	721	5.5					303	6.5	122	5.85
39	001906	Nguyễn Doãn Trung	12A9	111	3.6	612	2.63	133	3.75	321	4					404	4.1	121	5.75
40	001879	Bùi Thị Phương Uyên	12A9	444	5	412	4.03	124	5.25	521	5.75					304	6.75	133	5.35
41	001588	Lê Hồng Xuyên	12A9	111	3.75	121	3.33	132	4.75	321	4.5					404	3.6	133	5.1
42	001514	Nguyễn Thị Hải Yến	12A9	222	4.55	124	3.5	132	5.25	221	5.75					404	5.75	131	6.25